

Bản án số: 210/2017/DS-PT
Ngày 31 tháng 8 năm 2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Lý

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Mai Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2016/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 631/2015/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 375/2016/QĐPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2016 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: đường Điện Biên P, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm 1962.

Địa chỉ: đường Trương Đ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt, theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2014).

2. Bị đơn: Ông Lý Tích C, sinh năm 1963.

Địa chỉ: đường 39, phường Bình T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1960.

Địa chỉ: đường Huỳnh Thúc K, phường Hiệp P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt, theo văn bản ủy quyền ngày 11/6/2015).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1961.

Địa chỉ: đường 39, phường Bình T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.2/ Bà Đào Thị Kim N, sinh năm 1961.

Địa chỉ: đường Điện Biên P, Phường 25, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm 1962.

Địa chỉ: đường Trương Đ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt, theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2014).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lý Tích C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2006 và đơn xác định yêu cầu khởi kiện ngày 03/01/2013 đại diện ông Phạm T trình bày:

Ông Phạm T cho ông Lý Tích C vay 05 khoản tiền theo 03 giấy biên nhận:

1/ Ngày 28/8/1995 số tiền vay là 40.000.000 đồng, 16 lượng vàng SJC, 10.000 USD.

2/ Ngày 28/9/1995 số tiền vay là 2000 USD.

3/ Ngày 25/11/1996 số tiền vay là 175.000.000 đồng.

Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi là 2%. Bên bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng cộng 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và 02 lượng vàng SJC. Sau đó, ông C và bà T2 không trả thêm khoản tiền nào. Đã nhiều lần nguyên đơn yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn không trả.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn nói trên và số tiền lãi từ tháng 01/1997 đến nay.

Đại diện bị đơn – Ông Nguyễn Đức D trình bày:

Công ty TNHH Thương mại Nữ H (Công ty Nữ H) có vay của ông Phạm T số tiền sau:

Biên nhận ngày 28/8/1995 Công ty Nữ H có vay của ông T số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), 16 lượng vàng SJC và 10.000 USD.

Giấy mượn tiền ngày 28/9/1995 Công ty Nữ H có vay của ông T số tiền là 2.000 USD.

Giấy mượn tiền ngày 25/11/1996 ông Lý Tích C có vay của ông T số tiền là 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Ông D chỉ công nhận số tiền ông C vay của ông T theo tư cách cá nhân là 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Ông C và bà T2 đã thanh toán một phần tiền cho ông T là 145.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC. Ông D xác định ông C, bà T2 không còn nợ ông T khoản tiền 175.000.000 đồng. Ông D cho rằng khoản tiền theo biên nhận ngày 28/8/1995 và 28/9/1995 ông T cho Công ty Nữ H vay nhưng ông C đại diện nhận tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2: Ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T3 có cùng ý kiến với bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Kim N: Ủy quyền cho ông Phạm Ngọc T1 có cùng ý kiến với nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 631/2015/DSST ngày 29 tháng 6 năm 2015 (và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án ngày 27/8/2015) của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T.

Buộc ông Lý Tích C có trách nhiệm trả nợ cho ông Phạm T số tiền là 427.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bảy triệu đồng) (Tiền vốn 215.000.000 đồng và tiền lãi là 212.000.000 đồng), 28 lượng 4 chỉ vàng SJC (Vốn là 16 lượng vàng SJC, lãi là 12 lượng 4 chỉ vàng SJC) tương đương 977.812.000 đồng (Chín trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm mười hai ngàn đồng) và 12.000 USD tương đương 261.080.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo Luật định.

Ngày 06/7/2015, bị đơn ông Lý Tích C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Tích C yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty Nữ H trả nợ cho ông Phạm T, ông Lý Tích C chỉ có nghĩa vụ trả thay vì bảo lãnh và không tính lãi. Các bên không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Tích C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Do mối quan hệ thân quen, ông Phạm T đã cho ông Lý Tích C vay mượn tiền, vàng nhiều lần, sau đó ông Lý Tích C có viết lại 3 biên nhận, cụ thể: Biên nhận này 28/8/1995 vay 40.000.000 đồng, 16 lượng vàng SJC và 10.000 USD; Biên nhận ngày 28/9/1995 vay 2.000 USD; Biên nhận ngày 25/11/1995 vay 175.000.000 đồng. Tổng cộng, ông Lý Tích C đã vay của ông Phạm T là 215.000.000 đồng VN, 16 lượng vàng SJC và 12.000 USD. Trong khoảng thời gian từ 04/01/1999 đến 31/3/2004, ông Lý Tích C có trả cho vợ chồng ông Phạm T được 145.000.000 đồng và 02 lượng vàng (17 lần đều có biên nhận). Nguyên đơn ông Phạm T cho rằng ông Lý Tích C vay tiền rất lâu nhưng bội tín không trả vốn, lãi đầy đủ nên khởi kiện yêu cầu ông Lý Tích C trả lại đủ vốn và tính lãi theo quy định 9%/năm từ tháng 01/1997 đối với số tiền và 6%/năm từ tháng 8/1995 đối với số vàng cho đến ngày xét xử sơ thẩm (tháng 7/2015). Ông Lý Tích C thì cho rằng, ông chỉ vay của ông Phạm T một lần tiền 175.000.000 đồng theo biên nhận ngày 25/11/1995, còn 2 biên nhận ngày 28/8 và 28/9/1995 là do Công ty Nữ H vay, ông chỉ đứng ra nhận tiền, vàng và viết biên nhận thay với tư cách là Giám đốc. Ông đã trả cho ông Phạm T được 145.000.000 đồng và 2 lượng vàng SJC xem như đã trả xong phần nợ của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn đề nghị buộc Công ty Nữ H trả 2 phần còn lại, ông Lý Tích C chỉ có trách nhiệm trả thay vì đã bảo lãnh và yêu cầu không tính lãi.

[2] Xét thấy, Công ty TNHH thương mại Nữ H hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 052066 ngày 23/5/1995, người đại diện theo pháp luật là ông Lý Tích T4 (không phải ông Lý Tích C) và thành viên góp vốn là bà Nguyễn Thị T2. Còn Công ty TNHH thương mại Hoàng H hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 044044 ngày 09/9/1998, người đại diện theo pháp luật là ông Lý Tích C và thành viên góp vốn là bà Nguyễn Thị S. Do cả 2 công ty trốn thuế nên cơ quan chức năng đã thu hồi giấy phép từ ngày 16/9/2002, hiện nay không còn hoạt động. Tất cả các giấy vay mượn tiền của ông Phạm T vào năm 1995 đều do ông Lý Tích C viết tay và ông thừa nhận đã trực tiếp nhận tiền, vàng. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án yêu cầu nhưng ông Lý Tích C

không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh thời điểm vay mượn ông là Giám đốc của Công ty Nữ H, cũng không có chứng cứ nào chứng minh số tiền, vàng ông nhận đã nộp vào quỹ hoạt động của Công ty, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của ông Lý Tích C cũng thừa nhận không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh. Trong khi đó thừa nhận lúc vay không có làm giấy, sau đó ông C mới viết biên nhận. Như vậy, có căn cứ xác định toàn bộ tiền, vàng vay là do cá nhân, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông Lý Tích C có trách nhiệm trả là đúng đắn.

[3] Về lãi suất: Theo các giấy biên nhận có giấy ghi vay, có giấy ghi mượn nhưng xét trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm phía bị đơn đều thừa nhận vay tiền của ông Phạm T, chỉ tranh chấp về trách nhiệm nợ là của cá nhân ông C hay của Công ty Nữ H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả tiền vốn vay cộng với lãi suất chưa trả theo mức 9%/năm từ tháng 01/1997 đến ngày xét xử sơ thẩm, trừ số tiền đã trả trước là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính và buộc bị đơn trả lãi đối với số vàng vay bằng 12,4 lượng (giá 34.430.000 đồng/lượng) là không đúng vì pháp luật không quy định việc tính lãi suất vay vàng trong giao dịch của cá nhân ngoài tổ chức tín dụng, ngân hàng, giấy vay cũng không thể hiện mức lãi suất vàng, do vậy cần sửa bản án sơ thẩm về phần này cho phù hợp, tuy nhiên vì số nợ vay quá lâu nên đối với vàng lãi đã trả xét không cần phải truy tính lại. Mặt khác, quyết định án sơ thẩm tuyên buộc trả vàng 28,4 lượng tương đương 977.812.000 đồng, tiền USD 12.000 tương đương 261.080.000 đồng Việt Nam, cách tuyên này không được rõ ràng sẽ gây khó khăn khi thi hành án, bản án cũng không tuyên phần nghĩa vụ chậm thi hành án là thiếu sót. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lý Tích C, sửa một phần bản án sơ thẩm cho đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lý Tích C. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T. Buộc ông Lý Tích C có trách nhiệm trả cho ông Phạm T số nợ vay tiền VN là 427.000.000 đồng (trong đó vốn 215.000.000 đồng, lãi 212.000.000 đồng), 16 lượng vàng SJC và 261.080.000 đồng (tương đương của 12.000 USD). Tổng cộng phải trả bằng

688.080.000 đồng và 16 lượng vàng SJC. Số vàng được trả bằng hiện vật hoặc quy bằng tiền vào thời điểm trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

* Án phí sơ thẩm: Ông Lý Tích C phải chịu 46.168.800 đồng.

Ông Phạm T phải chịu 21.077.280 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.161.600 đồng theo biên lai thu số 000150 ngày 18/01/2007 và số 000157 ngày 20/7/2007 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số còn lại phải nộp tiếp.

* Án phí phúc thẩm: Ông Lý Tích C không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại tạm ứng án phí ông đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 08907 ngày 16/7/2015 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- ND (1);
- BD (1);
- NLQ (2);
- Lưu (5).14b. (Án PAT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Công Lý

